



**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ -
Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo của Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) trình bày báo cáo của Hội đồng Quản trị và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Thông tin về Công ty

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 19 lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301427028 ngày 11 tháng 9 năm 2015.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh có giá trị trong thời hạn không xác định.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lầu 9, Tòa nhà Vietcombank, Số 5 Quảng trường Mê Linh, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hội đồng Quản trị	Ông La Văn Hoàng	Chủ tịch
	Bà La Bùi Hồng Ngọc	Phó Chủ tịch
	Ông La Bùi Hoàng Nghĩa	Phó Chủ tịch (từ ngày 29 tháng 10 năm 2015)
	Ông La Bùi Hoàng Nghĩa	Thành viên (đến ngày 28 tháng 10 năm 2015)
	Ông La Hoài Nam	Thành viên (đến ngày 20 tháng 1 năm 2016)
	Bà Bùi Bích Hồng	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Jean-Eric Jacquemin	Thành viên (đến ngày 8 tháng 8 năm 2015)
	Ông La Văn Hoàng	Tổng Giám đốc
	Bà La Bùi Hồng Ngọc	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh và Quan hệ Đối ngoại
	Bà Nguyễn Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc Tài chính và Đầu tư
	Ông La Bùi Hoàng Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc Tiếp thị
	Bà Nguyễn Bạch Kim Vy	Phó Tổng Giám đốc Nhân sự
	Bà Đào Thị Thuận	Phó Tổng Giám đốc Cung ứng và Điều vận
	Bà Nguyễn Thị Châu	Giám đốc Quản trị Rủi Ro
Ông Đặng Thái Bình	Giám đốc Pháp chế	

Kết quả hoạt động và cổ tức

Lợi nhuận hợp nhất thuần cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 53.655.476.319 VND (2014: 23.973.603.513 VND). Trong năm, Công ty không công bố cổ tức (2014: hoàn nhập cổ tức là 26.125.039.000 VND).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán của Tập đoàn là Công ty TNHH KPMG.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Tuyên bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị về báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn và kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm. Khi lập các báo cáo tài chính hợp nhất, Hội đồng Quản trị phải:

- Chọn các nguyên tắc kế toán phù hợp và áp dụng các nguyên tắc này một cách thích hợp;
- Đưa ra đánh giá và ước tính hợp lý và thận trọng;
- Tuyên bố việc tuân thủ các nguyên tắc kế toán, trừ những ngoại lệ đã được thuyết minh và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định này không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị xác nhận Tập đoàn đã tuân theo những yêu cầu trên trong việc lập các báo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo việc ghi chép kế toán đúng sổ sách kế toán của Tập đoàn và những sổ sách này cung cấp một cách tương đối chính xác thông tin tài chính của Tập đoàn tại mọi thời điểm. Hội đồng Quản trị cũng có trách nhiệm bảo vệ tài sản của Tập đoàn và do đó có trách nhiệm thực hiện các bước hợp lý nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và bất thường.

Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, các báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Lê Văn Hoàng
Chủ tịch

Ngày 29 tháng 2 năm 2016



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa (“Công ty”) và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 2 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 50.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 14-01-418 (2015)



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0436-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 2 năm 2016

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		723.369.225.228	602.147.302.960
Tiền	110	7	89.554.343.631	49.279.280.881
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		110.000.000.000	50.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8	110.000.000.000	50.000.000.000
Phải thu ngắn hạn	130		264.758.028.348	170.984.157.499
Phải thu của khách hàng	131	9	166.392.223.395	150.689.094.405
Trả trước cho người bán	132		46.555.992.801	9.438.826.565
Phải thu về cho vay	135	10	19.700.000.000	-
Phải thu khác	136	11	32.479.287.104	12.070.083.520
Dự phòng phải thu khó đòi	137	12	(369.474.952)	(1.213.846.991)
Hàng tồn kho	140	13	189.457.537.525	256.630.078.008
Tài sản ngắn hạn khác	150		69.599.315.724	75.253.786.572
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	18(a)	15.163.620.582	12.993.021.952
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		30.258.146.656	42.009.178.835
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153	22(b)	24.177.548.486	20.203.148.191
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	48.437.594

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.160.821.401.085	1.272.000.325.302
Các khoản phải thu dài hạn	210		15.527.926.800	10.314.205.364
Tài sản cố định	220		1.060.982.781.943	1.207.164.774.083
Tài sản cố định hữu hình	221	14	602.116.736.663	719.221.946.335
<i>Nguyên giá</i>	222		1.173.478.752.635	1.238.993.181.336
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(571.362.015.972)	(519.771.235.001)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	15	183.388.169.164	204.769.918.076
<i>Nguyên giá</i>	225		251.005.866.748	261.662.643.040
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(67.617.697.584)	(56.892.724.964)
Tài sản cố định vô hình	227	16	275.477.876.116	283.172.909.672
<i>Nguyên giá</i>	228		293.022.726.538	299.362.906.127
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(17.544.850.422)	(16.189.996.455)
Tài sản dở dang dài hạn	240		10.682.444.920	8.459.453.546
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	10.682.444.920	8.459.453.546
Đầu tư tài chính dài hạn	250		30.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	8	30.000.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		43.628.247.422	46.061.892.309
Chi phí trả trước dài hạn	261	18(b)	13.623.519.003	9.509.569.738
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	432.363.900	386.907.061
Lợi thế thương mại	269	20	29.572.364.519	36.165.415.510
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.884.190.626.313	1.874.147.628.262

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

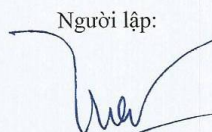
Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.213.272.770.405	1.265.431.160.315
Nợ ngắn hạn	310		1.078.958.885.987	1.091.117.692.306
Phải trả người bán	311	21	146.987.010.320	133.954.479.832
Người mua trả tiền trước	312		21.614.323.601	18.939.458.086
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313	22(a)	5.993.182.680	2.791.929.708
Phải trả người lao động	314		3.503.022.999	2.431.281.033
Chi phí phải trả	315	23	18.484.741.653	22.983.163.926
Phải trả khác	319	24	4.362.125.436	11.359.171.777
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	25(a)	875.042.724.862	895.663.106.851
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		2.971.754.436	2.995.101.093
Nợ dài hạn	330		134.313.884.418	174.313.468.009
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	25(b)	96.683.884.418	140.525.803.800
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	19	37.630.000.000	33.787.664.209
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		670.917.855.908	608.716.467.947
Vốn chủ sở hữu	410	26	670.917.855.908	608.716.467.947
Vốn cổ phần	411	27	522.500.000.000	522.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		46.900.000.000	46.900.000.000
Cổ phiếu quỹ	415	27	(88.088.780.000)	(88.088.780.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		5.714.053.793	5.714.053.793
Quỹ đầu tư phát triển	418	28	11.293.166.612	11.293.166.612
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	28	192.503.849	192.503.849
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		170.663.978.335	97.820.924.123
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		97.820.924.123	76.398.665.430
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		72.843.054.212	21.422.258.693
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.742.933.319	12.384.599.570
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.884.190.626.313	1.874.147.628.262

Ngày 29 tháng 2 năm 2016

Người lập:

 Đông Thị Ngọc Triều
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

 Luu Văn Hoàng
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 02 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bán hàng	01	31	1.871.163.250.743	1.918.651.349.327
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	31	13.901.360.033	6.654.884.393
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	31	1.857.261.890.710	1.911.996.464.934
Giá vốn hàng bán	11	32	1.322.356.725.285	1.424.711.471.034
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		534.905.165.425	487.284.993.900
Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	6.997.128.809	9.041.382.014
Chi phí tài chính	22	34	109.856.849.101	84.907.062.258
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>60.016.850.064</i>	<i>80.095.083.919</i>
Chi phí bán hàng	25	35	278.513.178.428	263.398.410.983
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	78.389.228.171	93.239.969.291
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		75.143.038.534	54.780.933.382
Thu nhập khác	31	37	1.809.060.604	1.220.900.145
Chi phí khác	32	38	3.643.684.181	3.416.226.818
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1.834.623.577)	(2.195.326.673)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		73.308.414.957	52.585.606.709
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	40	15.856.059.686	14.414.945.575
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	40	3.796.878.952	14.197.057.621
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		53.655.476.319	23.973.603.513

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)


Mẫu B 02 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

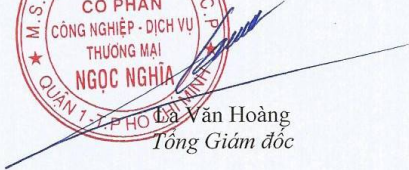
	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		53.655.476.319	23.973.603.513
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	26	55.753.003.817	21.422.258.693
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	26	(2.097.527.498)	2.551.344.820
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	41	1.156	411

Ngày 29 tháng 2 năm 2016

Người lập:


 Đồng Thị Ngọc Triều
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Lê Văn Hoàng
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		73.308.414.957	52.585.606.709
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		134.889.143.095	131.716.978.751
Các khoản dự phòng	03		25.872.000	751.265.282
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(45.748.555)	1.061.410.099
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	05		2.014.848.463	411.720.431
Xóa sổ tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	05		-	144.096.679
Lỗ từ thanh lý một công ty con	05		39.661.341.705	-
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(5.634.608.875)	(7.309.047.585)
Chi phí lãi vay	06		60.016.850.064	80.095.083.919
			<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		304.236.112.854	259.457.114.285
Biến động các khoản phải thu	09		(64.446.042.848)	1.545.425.688
Biến động hàng tồn kho	10		58.202.522.619	(12.676.820.666)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		20.177.260.192	25.324.612.088
Biến động chi phí trả trước	12		(6.748.262.282)	401.147.265
			<hr/>	<hr/>
			311.421.590.535	274.051.478.660
Tiền lãi vay đã trả	14		(60.446.570.050)	(80.476.525.460)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(18.028.227.716)	(15.169.375.617)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(23.346.657)	(1.906.028.605)
			<hr/>	<hr/>
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		232.923.446.112	176.499.548.978
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(18.402.649.990)	(37.363.104.735)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		882.545.454	17.616.974.540
Tiền chi đầu tư tiền gửi có thời hạn	23		(140.000.000.000)	(170.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư tiền gửi có thời hạn	23		50.000.000.000	170.000.000.000
Tiền chi cho người lao động vay	23		(19.700.000.000)	-
Tiền thu từ bán các công cụ vốn cho các đơn vị khác	24		-	30.000.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

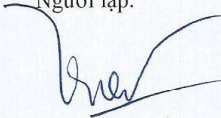
Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Tiền thu thuần từ thanh lý một công ty con	26	6	49.341.346.332	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27		2.181.029.707	7.309.047.585
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(75.697.728.497)	(12.407.082.610)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền chi để mua lại cổ phiếu	32		-	(88.088.000.000)
Tiền thu từ đi vay	33		2.194.589.715.747	2.365.177.980.310
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.249.924.414.603)	(2.405.208.060.522)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(61.665.378.374)	(58.253.136.565)
Tiền trả cổ tức	36		-	(27.676.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(117.000.077.230)	(186.398.893.277)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		40.225.640.385	(22.306.426.909)
Tiền đầu năm	60		49.279.280.881	71.595.361.478
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền	61		49.422.365	(9.653.688)
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	7	89.554.343.631	49.279.280.881

Ngày 29 tháng 2 năm 2016

Người lập:

 Đồng Thị Ngọc Triều
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Lê Văn Hoàng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất nhựa, khuôn đúc, phụ tùng, nước tinh khiết, soda và nước ngọt; cung cấp các dịch vụ ký gửi và vận chuyển bằng xe ô-tô, in bao bì ngoại trừ bao bì kim loại, sản xuất thực phẩm, hải sản, sữa và các sản phẩm liên quan và nước giải khát không cồn.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là trong vòng 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 5 công ty con (1/1/2015: 5 công ty con) như sau:

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công ty con	Hoạt động chính	% sở hữu và quyền biểu quyết	
		31/12/2015	1/1/2015
Công ty Cổ phần sữa và bánh kẹo Hoàng Đế (**)	Sản xuất và kinh doanh bánh kẹo, thực phẩm chế biến; sản xuất và chế biến sữa; sản xuất bia.	-	95%
Công ty Cổ phần PET Quốc tế	Sản xuất các sản phẩm bằng nhựa, khuôn mẫu và sản phẩm công nghiệp	98%	98%
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú	Sản xuất nước chấm, sữa và các sản phẩm liên quan, nước giải khát không cồn; sản xuất các sản phẩm bằng nhựa	98%	98%
Công ty Cổ phần Nhựa P.E.T Việt Nam	Sản xuất bao bì bằng nhựa	99%	99%
Công ty Cổ phần Nắp Toàn cầu	Sản xuất bao bì bằng nhựa, khuôn kim loại	99%	99%
Công ty TNHH MTV Bao bì Quốc tế Ngọc Nghĩa (*)	Sản xuất bao bì bằng nhựa	100%	-

(*) Ngày 12 tháng 8 năm 2015, theo Biên bản số 012/QĐ/HĐQT-NNG/15, Hội đồng Quản trị đã quyết định thành lập Công ty TNHH MTV Bao bì Quốc tế Ngọc Nghĩa với vốn pháp định được duyệt là 40 tỷ VND. Vốn pháp định được góp đầy đủ bởi Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

(**) Ngày 1 tháng 8 năm 2015, theo Biên bản số 010/NĐ/HĐQT/NNG/15, Công ty đã quyết định thanh lý toàn bộ 32.228.000 cổ phiếu tương đương 99,16% cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần sữa và bánh kẹo Hoàng Đế, một công ty con, cho các cá nhân với số tiền là 49.347.569.743 VND. Việc thanh lý đã được hoàn tất trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có 1.255 nhân viên (1/1/2015: 1.282 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 356 tỷ VND (1/1/2015: 489 tỷ VND). Hơn nữa, Tập đoàn có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (thuyết minh 25). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào khả năng của Tập đoàn có thể tạo ra đủ dòng tiền từ các hoạt động của mình và việc các ngân hàng tiếp tục duy trì đầy đủ và thích hợp các hạn mức tín dụng nhằm giúp Tập đoàn có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Tập đoàn trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng Tập đoàn sẽ không tạo đủ dòng tiền và các ngân hàng sẽ không tiếp tục cung cấp đầy đủ các hạn mức tín dụng.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (“Quyết định 15”) và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Tập đoàn và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất sau đây:

- Lợi ích cổ đông không kiểm soát (thuyết minh 4(a))
- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (thuyết minh 4(b))
- Lãi trên cổ phiếu (thuyết minh 4(s))
- Lợi thế thương mại (thuyết minh 4(l))

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày quyền kiểm soát kết thúc.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, khoản lỗ vượt trội cũng như các khoản lỗ bổ sung được tính giảm vào phần lợi ích của cổ đông đa số trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp các khoản lỗ đó. Nếu sau đó công ty con có lãi, khoản lãi đó sẽ được phân bổ vào phần lợi ích của cổ đông đa số cho tới khi phần lỗ trước đây do các cổ đông đa số gánh chịu được bồi hoàn đầy đủ. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do áp dụng Thông tư 202, các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của công đồng không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) *Mất quyền kiểm soát*

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) *Các giao dịch loại trừ khi hợp nhất*

Số dư của giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(v) *Hợp nhất kinh doanh*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) *Các giao dịch bằng ngoại tệ*

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (các khoản phải trả và vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa | 5 – 25 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 4 – 8 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 5 – 15 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 – 10 năm |

(h) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được ghi nhận bằng số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 4(g).

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng từ 43 năm đến 50 năm.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con, công ty liên doanh và liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

(m) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(o) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi trừ đi các khoản chiết khấu bán hàng theo hoá đơn.

(ii) Thu nhập lãi tiền gửi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(u) Các bên liên quan

Các bên được xem có liên quan với Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên khác hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các cá nhân hoặc các tổ chức doanh nghiệp và bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

	Năm		Thực phẩm		Loại trừ		Hợp nhất	
	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng bên ngoài	1.457.200.301.719	1.600.382.522.226	400.061.588.991	311.613.942.708	-	-	1.857.261.890.710	1.911.996.464.934
Doanh thu trong bộ phận	1.169.780.357.965	1.267.784.644.288	200.041.096	431.143.029	(1.169.980.399.061)	(1.268.215.787.317)	-	-
Doanh thu giữa các bộ phận	33.455.564.696	20.064.129.520	204.452.185	231.267.784	(33.660.016.881)	(20.295.397.304)	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	68.238.542.244	66.316.597.022	224.399.123	107.739.602	(61.465.812.558)	(57.382.954.610)	6.997.128.809	9.041.382.014
Tổng doanh thu bộ phận	2.728.674.766.624	2.954.547.893.056	400.690.481.395	312.384.093.123	(1.265.106.228.500)	(1.345.894.139.231)	1.864.259.019.519	1.921.037.846.948
Chi phí bộ phận	(2.509.214.933.693)	(2.742.287.812.888)	(522.989.010.014)	(484.481.059.375)	1.243.087.962.722	1.360.511.958.697	(1.789.115.980.985)	(1.866.256.913.566)
Kết quả kinh doanh bộ phận	219.459.832.931	212.260.080.168	(122.298.528.619)	(172.096.966.252)	(22.018.265.778)	14.617.819.466	75.143.038.534	54.780.933.382
Thu nhập khác							1.809.060.604	1.220.900.145
Chi phí khác							(3.643.684.181)	(3.416.226.818)
Thuế thu nhập							(19.652.938.638)	(28.612.003.196)
Lợi nhuận sau thuế							53.655.476.319	23.973.603.513

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Nhựa		Thực phẩm		Tổng	
	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tài sản						
Tài sản ngắn hạn	471.945.091.872	446.065.725.735	121.724.133.356	106.081.577.225	593.669.225.228	552.147.302.960
Tài sản dài hạn	993.061.178.314	1.003.026.829.608	167.327.858.871	268.586.588.633	1.160.389.037.185	1.271.613.418.241
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	130.132.363.900	50.386.907.061
	1.465.006.270.186	1.449.092.555.343	289.051.992.227	374.668.165.858	1.884.190.626.313	1.874.147.628.262
Nợ phải trả						
Nợ ngắn hạn	928.278.133.258	996.198.249.979	150.680.752.729	94.919.442.327	1.078.958.885.987	1.091.117.692.306
Nợ dài hạn	96.683.884.418	129.277.828.695	-	11.247.975.105	96.683.884.418	140.525.803.800
Nợ không phân bổ	-	-	-	-	37.630.000.000	33.787.664.209
	1.024.962.017.676	1.125.476.078.674	150.680.752.729	106.167.417.432	1.213.272.770.405	1.265.431.160.315
Khấu hao và phân bổ	110.896.826.477	103.989.137.497	23.992.316.618	27.727.841.254	134.889.143.095	131.716.978.751
Chi tiêu vốn	15.244.027.493	34.572.745.094	3.158.622.497	2.790.359.641	18.402.649.990	37.363.104.735

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

(i) Doanh thu bộ phận

	Doanh thu bán ra bên ngoài	
	2015	2014
	VND	VND
Trong nước	1.758.415.204.665	1.554.515.163.916
Xuất khẩu	98.846.686.045	357.481.301.018
	<hr/>	<hr/>
	1.857.261.890.710	1.911.996.464.934
	<hr/>	<hr/>

(ii) Tài sản bộ phận

	Tổng tài sản	
	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Trong nước	1.884.190.626.313	1.874.147.628.262
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Thanh lý một công ty con

Thanh lý Công ty Cổ phần sữa và bánh kẹo Hoàng Đế

Ngày 1 tháng 8 năm 2015, theo Biên bản số 010/NĐ/HĐQT/NNG/15, Công ty đã quyết định thanh lý toàn bộ 32.228.000 cổ phiếu tương đương 99,16% cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần sữa và bánh kẹo Hoàng Đế, một công ty con, cho các cá nhân với số tiền là 49.347.569.743 VND. Do kết quả của giao dịch này, Công ty đã không còn nắm giữ bất kỳ cổ phần nào của Công ty Cổ phần sữa và bánh kẹo Hoàng Đế.

Việc thanh lý đã ảnh hưởng đến bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn vào ngày thanh lý như sau:

	VND
Tiền	6.223.411
Các khoản phải thu	2.123.892.404
Hàng tồn kho	8.970.017.864
Tài sản ngắn hạn khác	3.504.020.171
Tài sản cố định hữu hình – nguyên giá	99.674.115.089
Tài sản cố định hữu hình – giá trị hao mòn lũy kế	(45.519.867.784)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính – nguyên giá	27.299.771.630
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính – giá trị hao mòn lũy kế	(8.189.931.493)
Tài sản cố định vô hình – nguyên giá	6.501.752.089
Tài sản cố định vô hình – giá trị hao mòn lũy kế	(1.194.645.085)
Chi phí trả trước dài hạn	463.714.387
Tài sản dài hạn khác	56.005.687
Phải trả nhà cung cấp	(1.871.409.260)
Người mua trả tiền trước	(739.210.227)
Chi phí phải trả	(345.770.078)
Phải trả khác ngắn hạn	(10.275.678.999)
	<hr/>
Tổng giá trị ghi sổ của tài sản thuần đã thanh lý	80.462.999.806
Tương ứng giá trị ghi sổ của tài sản thuần đã thanh lý	89.008.911.448
Lỗ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (thuyết minh 34)	(39.661.341.705)
	<hr/>
Thu nhập thanh lý	49.347.569.743
Tiền thanh lý	(6.223.411)
	<hr/>
Tiền thuần thu được	49.341.346.332

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Tiền

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Tiền mặt	4.616.413.144	5.985.754.336
Tiền gửi ngân hàng	84.937.930.487	43.293.526.545
	<hr/>	<hr/>
	89.554.343.631	49.279.280.881
	<hr/>	<hr/>

8. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	110.000.000.000	50.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - dài hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	30.000.000.000	-
	<hr/>	<hr/>

Tiền gửi ngắn hạn với thời gian đáo hạn một năm được hưởng lãi suất năm dao động từ 6,0% đến 7,1%/năm (2014: 6,5%/năm).

Tiền gửi dài hạn với thời gian đáo hạn trên một năm được hưởng lãi suất năm 6,3%/năm (2014: không).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Công ty TNHH nước giải khát Coca-Cola Việt Nam	28.018.285.731	15.094.733.077
Công ty TNHH nước giải khát Sunstory Pepsico Việt Nam	23.612.987.955	27.980.908.605
Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam	26.592.163.857	24.216.654.523
Khách hàng khác	88.168.785.852	83.396.798.200
	<hr/>	<hr/>
	166.392.223.395	150.689.094.405
	<hr/>	<hr/>

10. Phải thu về cho vay

Phải thu về cho vay phản ánh khoản vay cho người lao động của Tập đoàn để hỗ trợ tài chính trong vòng một năm và không được đảm bảo và hưởng lãi suất năm 6,5%/năm.

11. Phải thu khác

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Lãi phải thu từ tiền gửi	3.453.579.168	-
Tạm ứng cho người lao động (*)	19.785.854.818	2.502.192.499
Khác	9.239.853.118	9.567.891.021
	<hr/>	<hr/>
	32.479.287.104	12.070.083.520
	<hr/>	<hr/>

(*) Khoản này phản ánh tiền tạm ứng cho người lao động để mua nguyên liệu cho Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2015		1/1/2015				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Nợ quá hạn							
Công Ty Cổ Phần Nước Khoáng ĐàKai	2 – 3 năm	84.092.264	-	2 – 3 năm	84.092.264	-	84.092.264
Công ty TNHH Vàng Biển Đông	2 – 3 năm	89.994.528	-	2 – 3 năm	89.994.528	-	89.994.528
Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Masan	2 – 3 năm	118.467.360	-	2 – 3 năm	118.467.360	-	118.467.360
Công ty TNHH TMDV Minh Quân	2 – 3 năm	37.573.800	-	2 – 3 năm	37.573.800	-	37.573.800
Công ty Cổ phần Tam An	2 – 3 năm	-	-	2 – 3 năm	203.114.496	-	203.114.496
Công ty Tư nhân Hồng Gấm	2 – 3 năm	-	-	2 – 3 năm	102.604.757	-	102.604.757
Khác	2 – 3 năm	39.347.000	-	2 – 3 năm	577.999.786	-	577.999.786
		<u>369.474.952</u>	<u>-</u>		<u>1.213.846.991</u>	<u>-</u>	<u>1.213.846.991</u>

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

369.474.952

1.213.846.991

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Số dư đầu năm	1.213.846.991	462.581.709
Tăng dự phòng trong năm	25.872.000	751.265.282
Sử dụng dự phòng trong năm	(870.244.039)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	369.474.952	1.213.846.991

13. Hàng tồn kho

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	40.644.392	9.489.232.538
Nguyên vật liệu	69.301.043.593	125.111.576.480
Công cụ và dụng cụ	5.885.878.714	4.222.987.903
Sản phẩm dở dang	32.722.023.991	45.493.675.396
Thành phẩm	62.959.125.659	65.202.764.751
Hàng hóa	15.634.872.790	2.498.465.520
Hàng gửi đi bán	2.913.948.386	4.611.375.420
	<hr/>	<hr/>
	189.457.537.525	256.630.078.008

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	177.017.805.077	9.856.157.086	1.008.981.976.539	43.137.242.634	1.238.993.181.336
Tăng trong năm	8.050.343.765	256.055.490	8.209.882.315	307.804.546	16.824.086.116
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuế tài chính Thanh lý	-	-	29.954.034.373	-	29.954.034.373
Thanh lý một công ty con	(58.484.400)	-	(10.479.270.655)	(2.080.679.046)	(12.618.434.101)
	(28.196.110.970)	(1.731.680.681)	(68.255.381.438)	(1.490.942.000)	(99.674.115.089)
Số dư cuối năm	156.813.553.472	8.380.531.895	968.411.241.134	39.873.426.134	1.173.478.752.635
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	42.473.413.647	5.562.389.185	452.160.651.137	19.574.781.032	519.771.235.001
Khấu hao trong năm	8.744.415.509	1.196.368.741	79.883.827.589	4.461.057.481	94.285.669.320
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuế tài chính Thanh lý	-	-	12.546.019.619	-	12.546.019.619
Thanh lý một công ty con	(53.350.769)	-	(8.760.459.369)	(907.230.046)	(9.721.040.184)
	(9.300.466.734)	(608.080.861)	(34.345.149.174)	(1.266.171.015)	(45.519.867.784)
Số dư cuối năm	41.864.011.653	6.150.677.065	501.484.889.802	21.862.437.452	571.362.015.972
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	134.544.391.430	4.293.767.901	556.821.325.402	23.562.461.602	719.221.946.335
Số dư cuối năm	114.949.541.819	2.229.854.830	466.926.351.332	18.010.988.682	602.116.736.663

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 175.097 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 172.489 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 371.582 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 412.644 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (thuyết minh 25(a) và thuyết minh 25(b)(i)).

15. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	210.013.970.792	51.648.672.248	261.662.643.040
Tăng trong năm	20.181.819	46.576.847.892	46.597.029.711
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(29.954.034.373)	-	(29.954.034.373)
Thanh lý một công ty con	(27.299.771.630)	-	(27.299.771.630)
Số dư cuối năm	152.780.346.608	98.225.520.140	251.005.866.748
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	53.891.991.578	3.000.733.386	56.892.724.964
Khấu hao trong năm	25.798.917.948	5.662.005.784	31.460.923.732
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(12.546.019.619)	-	(12.546.019.619)
Thanh lý một công ty con	(8.189.931.493)	-	(8.189.931.493)
Số dư cuối năm	58.954.958.414	8.662.739.170	67.617.697.584
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	156.121.979.214	48.647.938.862	204.769.918.076
Số dư cuối năm	93.825.388.194	89.562.780.970	183.388.169.164

Tập đoàn thuê một số thiết bị sản xuất theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Tập đoàn có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (thuyết minh 25(b)(ii)).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	297.398.974.953	1.963.931.174	299.362.906.127
Tăng trong năm	-	161.572.500	161.572.500
Thanh lý một công ty con	(6.501.752.089)	-	(6.501.752.089)
Số dư cuối năm	290.897.222.864	2.125.503.674	293.022.726.538
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	14.374.024.216	1.815.972.239	16.189.996.455
Khấu hao trong năm	2.396.599.932	152.899.120	2.549.499.052
Thanh lý một công ty con	(1.194.645.085)	-	(1.194.645.085)
Số dư cuối năm	15.575.979.063	1.968.871.359	17.544.850.422
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	283.024.950.737	147.958.935	283.172.909.672
Số dư cuối năm	275.321.243.801	156.632.315	275.477.876.116

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, trong quyền sử dụng đất có quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định với nguyên giá là 199.433 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 199.433 triệu VND) không tính khấu hao.

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 1.457 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (ngày 1 tháng 1 năm 2015: không), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ là 46.074 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 47.285 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (thuyết minh 25(a) và thuyết minh 25(b)(i)).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	2015	2014
	VND	VND
Số dư đầu năm	8.459.453.546	63.407.746.632
Tăng trong năm	2.222.991.374	20.811.591.341
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(72.955.852.415)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	(2.707.500.252)
Xóa sổ	-	(96.531.760)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	10.682.444.920	8.459.453.546

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang gồm:

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Phần mềm ERP	7.356.980.546	7.356.980.546
Máy móc	1.998.760.374	570.000.000
Phương tiện vận chuyển	806.000.000	-
Khác	520.704.000	532.473.000
	<hr/>	<hr/>
	10.682.444.920	8.459.453.546

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Chi phí công cụ và dụng cụ trả trước	15.163.620.582	12.993.021.952

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí trước hoạt động VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	684.712.190	8.824.857.548	9.509.569.738
Tăng trong năm	-	11.982.483.621	11.982.483.621
Phân bổ trong năm	(684.712.190)	(6.720.107.779)	(7.404.819.969)
Thanh lý một công ty con	-	(463.714.387)	(463.714.387)
Số dư cuối năm	-	13.623.519.003	13.623.519.003

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	Thuế suất	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Lợi nhuận chưa thực hiện	10% - 20%	432.363.900	386.907.061
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả: Dự phòng giảm giá đầu tư vào các công ty con	17% - 20%	(37.630.000.000)	(33.787.664.209)

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Lợi thế thương mại

	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	65.930.509.910
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	29.765.094.400
Khấu hao trong năm	6.593.050.991
Số dư cuối năm	36.358.145.391
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu năm	36.165.415.510
Số dư cuối năm	29.572.364.519

21. Phải trả người bán

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Unilever Asia Private Limited	14.861.272.063	12.630.720.593
Indorama Polymers Public Company Limited	18.024.956.204	-
ACI Chemicals Asia Inc	-	20.466.784.800
Khác	114.100.782.053	100.856.974.439
	146.987.010.320	133.954.479.832

Số dư phải trả người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 1 tháng 1 năm 2015 không quá hạn.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	938.610.651	66.650.323.214	(64.943.172.262)	2.645.761.603
Thuế nhập khẩu	-	817.893.958	(817.893.958)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	899.225.279	15.856.059.686	(14.053.827.421)	2.701.457.544
Thuế thu nhập cá nhân	954.093.778	8.617.919.558	(8.926.049.803)	645.963.533
	2.791.929.708	91.942.196.416	(88.740.943.444)	5.993.182.680

(b) Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã được hoàn lại trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.203.148.191	3.974.400.295	-	24.177.548.486

23. Phải trả

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Chi phí lãi vay phải trả	652.505.478	1.082.225.464
Lương và thưởng	8.001.839.425	11.099.157.295
Chi phí quảng cáo	5.318.315.987	5.600.691.896
Chi phí khác	4.512.080.763	5.201.089.271
	18.484.741.653	22.983.163.926

24. Phải trả khác

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Ký quỹ của khách hàng	2.734.322.213	9.108.810.282
Các khoản phải trả khác	1.627.803.223	2.250.361.495
	4.362.125.436	11.359.171.777

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2015 VND	Tăng VND	Giảm VND	31/12/2015 VND
Vay ngắn hạn	800.048.255.808	2.194.589.715.747	(2.188.683.139.420)	805.954.832.135
Vay dài hạn đến hạn trả (b)(i)	50.380.776.000	20.000.000.000	(50.380.776.000)	20.000.000.000
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng (b)(ii)	45.234.075.043	54.849.719.486	(50.995.901.802)	49.087.892.727
	895.663.106.851	2.269.439.435.233	(2.290.059.817.222)	875.042.724.862

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VND	6,0%	295.200.081.137	199.240.811.234
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	USD	3,0%	52.794.670.119	199.256.237.315
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VND	6,0% - 6,8%	18.002.827.106	32.895.204.268
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VND	6,0%	164.426.984.924	198.332.495.649
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VND	6,5%	136.330.835.833	147.064.810.342
Ngân hàng Bảo Việt	VND	6,5%	75.764.117.200	23.258.697.000
Ngân hàng Bảo Việt	VND	6,7%	63.435.315.816	-
			805.954.832.135	800.048.255.808

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ lần lượt là 229.363 triệu VND và 39.956 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (ngày 1 tháng 1 năm 2015: tài sản cố định hữu hình là 115.449 triệu VND và tài sản cố định vô hình là 14.032 triệu VND) (thuyết minh 14 và thuyết minh 16).

Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần nhựa P.E.T Việt Nam theo mệnh giá 23.388 triệu VND.

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Vay dài hạn (i)	60.000.000.000	121.241.275.183
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	105.771.777.145	114.899.379.660
	<hr/>	<hr/>
	165.771.777.145	236.140.654.843
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(69.087.892.727)	(95.614.851.043)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	96.683.884.418	140.525.803.800

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng Bảo Việt	VND	12,0%	2016	-	41.241.275.183
Ngân hàng Vietcombank	VND	9,6%	2018	60.000.000.000	80.000.000.000
				<hr/>	<hr/>
				60.000.000.000	121.241.275.183
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(20.000.000.000)	(50.380.776.000)
				<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				40.000.000.000	70.860.499.183

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ lần lượt là 142.219 triệu VND và 6.118 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (ngày 1 tháng 1 năm 2015: tài sản cố định hữu hình là 297.195 triệu VND và tài sản cố định vô hình là 33.253 triệu VND) (thuyết minh 14 và thuyết minh 16).

Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam phải trả trong 4 năm bằng nhau, mỗi năm trả 20 tỷ VND. Kỳ hoàn trả cuối cùng vào năm 2018.

(ii) Các khoản nợ thuê tài chính

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính như sau:

	31/12/2015 VND		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Tiền lãi thuê	Nợ gốc
Trong vòng một năm	56.523.259.308	7.435.366.581	49.087.892.727
Từ hai đến năm năm	60.877.966.443	4.194.082.025	56.683.884.418
	117.401.225.751	11.629.448.606	105.771.777.145
	1/1/2015 VND		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Tiền lãi thuê	Nợ gốc
Trong vòng một năm	54.818.167.184	9.584.092.141	45.234.075.043
Từ hai đến năm năm	77.855.776.730	8.190.472.113	69.665.304.617
	132.673.943.914	17.774.564.254	114.899.379.660

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ tương đương 1.539 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 1.461 triệu VND).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

26. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	522.500.000.000	46.900.000.000	(780.000)	5.714.053.793	10.973.114.162	192.503.849	57.667.102.902	2.409.778.278	646.355.772.984
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	21.422.258.693	2.551.344.820	23.973.603.513
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(88.088.000.000)	-	-	-	-	-	(88.088.000.000)
Phân loại lại từ quỹ	-	-	-	-	320.052.450	-	-	-	320.052.450
Khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Anh hưởng của việc mua lại cổ phiếu từ Tập đoàn	-	-	-	-	-	-	(7.393.476.472)	30.000.000	30.000.000
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Cổ tức hoàn nhập (thuyết minh 29)	-	-	-	-	-	-	26.125.039.000	-	26.125.039.000
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	522.500.000.000	46.900.000.000	(88.088.780.000)	5.714.053.793	11.293.166.612	192.503.849	97.820.924.123	12.384.599.570	608.716.467.947
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	55.753.003.817	(2.097.527.498)	53.655.476.319
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	17.090.050.395	(17.090.050.395)	-
Thanh lý một công ty con	-	-	-	-	-	-	-	8.545.911.642	8.545.911.642
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	522.500.000.000	46.900.000.000	(88.088.780.000)	5.714.053.793	11.293.166.612	192.503.849	170.663.978.335	1.742.933.319	670.917.855.908

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	52.250.000	522.500.000.000	52.250.000	522.500.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	52.250.000	522.500.000.000	52.250.000	522.500.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(4.004.078)	(88.088.780.000)	(4.004.078)	(88.088.780.000)
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	48.245.922	434.411.220.000	48.245.922	434.411.220.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, danh sách các cổ đông của Công ty như sau:

	Số cổ phiếu	%
Ông La Văn Hoàng	15.822.496	32.80%
Bà Bùi Bích Hồng	9.746.823	20.20%
Bà La Bùi Hồng Ngọc	9.538.463	19.77%
Ông La Bùi Hoàng Nghĩa	6.233.932	12.92%
Cổ đông khác	6.904.208	14.31%
	48.245.922	100%

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

(ii) Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Được phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối căn cứ trên tỷ lệ phần trăm do cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên. Quỹ này dùng cho chi phí Hội đồng Quản trị Công ty.

29. Cổ tức

Trong năm, Tập đoàn không công bố cổ tức (2014: hoàn nhập cổ tức là 26.125.039.000 VND).

30. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ

	31/12/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	353.734	7.941.326.959	363.547	7.769.362.937
EUR	6.937	169.635.866	1.003	26.002.942

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2015	2014
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	1.871.163.250.743	1.918.651.349.327
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(34.365.600)	(126.280.425)
▪ Giảm giá hàng bán	(9.170.567.407)	(175.925.820)
▪ Hàng bán bị trả lại	(4.696.427.026)	(6.352.678.148)
	(13.901.360.033)	(6.654.884.393)
Doanh thu thuần	1.857.261.890.710	1.911.996.464.934

32. Giá vốn hàng bán

	2015	2014
	VND	VND
Hàng hóa đã bán	1.322.356.725.285	1.424.711.471.034

33. Doanh thu hoạt động tài chính

	2015	2014
	VND	VND
Thu nhập lãi tiền gửi	5.634.608.875	7.309.047.585
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.348.036.509	1.730.056.719
Khác	14.483.425	2.277.710
	6.997.128.809	9.041.382.014

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Chi phí tài chính

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	60.016.850.064	80.095.083.919
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.168.418.947	4.766.978.339
Lỗ từ thanh lý một công ty con (thuyết minh 6)	39.661.341.705	-
Khác	10.238.385	45.000.000
	<hr/>	<hr/>
	109.856.849.101	84.907.062.258
	<hr/>	<hr/>

35. Chi phí bán hàng

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên	78.034.993.107	62.983.942.285
Chi phí nguyên vật liệu	683.066.516	279.102.355
Chi phí công cụ và dụng cụ	10.997.440.708	8.113.136.496
Chi phí khấu hao	517.844.186	579.069.432
Chi phí vận chuyển	73.669.798.928	51.164.498.451
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.090.165.919	26.570.065.394
Chi phí quảng cáo	28.037.732.036	20.234.541.760
Chi phí khuyến mãi	4.486.369.897	24.995.978.019
Chi phí trưng bày sản phẩm	14.355.695.087	38.841.254.804
Chi phí hỗ trợ và hoa hồng cho nhà phân phối	30.147.006.631	18.232.724.628
Khác	9.493.065.413	11.404.097.359
	<hr/>	<hr/>
	278.513.178.428	263.398.410.983
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên	39.862.940.376	46.916.694.921
Chi phí thiết bị văn phòng	947.576.238	909.494.725
Chi phí khấu hao	10.111.290.649	11.046.560.604
Phí và lệ phí	160.552.294	130.652.484
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.320.521.811	9.125.640.543
Khác	15.986.346.803	25.110.926.014
	<hr/>	<hr/>
	78.389.228.171	93.239.969.291

37. Thu nhập khác

	2015	2014
	VND	VND
Thu nhập khác	1.809.060.604	1.220.900.145
	<hr/>	<hr/>

38. Chi phí khác

	2015	2014
	VND	VND
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	2.014.848.463	459.285.350
Chi phí khác	1.628.835.718	2.956.941.468
	<hr/>	<hr/>
	3.643.684.181	3.416.226.818

39. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.098.907.934.560	1.393.645.175.311
Chi phí nhân công và nhân viên	198.490.753.932	296.878.107.531
Chi phí khấu hao và phân bổ	134.889.143.095	131.716.978.751
Chi phí khác	371.516.558.429	379.914.596.427
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

40. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	13.001.383.214	14.156.211.204
Dự phòng thiếu trong những năm trước	2.854.676.472	258.734.371
	<hr/>	<hr/>
	15.856.059.686	14.414.945.575
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	3.796.878.952	14.197.057.621
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập	19.652.938.638	28.612.003.196
	<hr/>	<hr/>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	73.308.414.957	52.585.606.709
	<hr/>	<hr/>
Thuế theo thuế suất Công ty	16.127.851.291	11.568.833.476
Ưu đãi thuế	(24.569.144.425)	(23.512.441.658)
Ảnh hưởng của các lãi suất khác nhau	1.456.041.342	10.938.246.069
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.989.142.389	7.375.305.483
Lỗi tính thuế đã sử dụng	-	(1.651.451.435)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	2.854.676.472	258.734.371
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận trên lỗ tính thuế của các công ty con	20.794.371.569	23.634.776.890
	<hr/>	<hr/>
	19.652.938.638	28.612.003.196
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật Thuế Thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần PET Quốc tế và Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp lần lượt bằng 20% và 15% trên lợi nhuận chịu thuế. Tuy nhiên, cả hai công ty đều được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo.

Công ty Cổ phần Nhựa P.E.T Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Nắp Toàn cầu có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế trong 10 năm tính từ năm hoạt động đầu tiên và 22% cho các năm tiếp theo và được miễn thuế thu nhập trong 2 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập cho 4 năm tiếp theo.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

41. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi khoản phân bổ vào Quỹ khen thưởng và phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền được tính như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	55.753.003.817	21.422.258.693

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2015	2014
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	48.245.922	52.249.922
Ảnh hưởng của việc mua lại cổ phiếu quỹ trong năm	-	(153.578)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối năm	48.245.922	52.096.344

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn không có cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm ẩn.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

42. Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ

	2015 VND	2014 VND
Nguyên giá của tài sản cố định được Công ty thuê lại dưới dạng thuê tài chính	46.597.029.711	37.686.105.982
Xây dựng cơ bản dở dang được Tập đoàn thuê lại dưới dạng thuê tài chính	806.000.000	-
Thuê giá trị gia tăng của tài sản cố định được Công ty thuê lại dưới dạng thuê tài chính	5.134.746.148	3.610.182.874
Hoàn nhập cổ tức	-	26.125.039.000

43. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm, Tập đoàn có các giao dịch sau với các bên liên quan.

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt

	2015 VND	2014 VND
Lương và trợ cấp kinh doanh	17.466.294.126	23.277.077.461
Hỗ trợ chi phí kinh doanh	-	12.710.000.000

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

44. Số liệu so sánh

Như đã trình bày tại Thuyết minh 3, Tập đoàn đã áp dụng phi hồi tố Thông tư 200 và Thông tư 202 từ ngày 1 tháng 1 năm 2015. Do đó, việc trình bày một số diễn giải trong báo cáo tài chính có sự thay đổi. Một số số liệu so sánh cụ thể tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại để phù hợp với các yêu cầu của Thông tư 200 và Thông tư 202 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

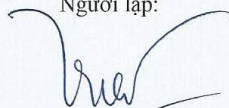
	1/1/2015 VND (phân loại lại)	1/1/2015 VND (theo báo cáo trước đây)
Đầu tư ngắn hạn	-	50.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	50.000.000.000	-
Phải thu khác	12.070.083.520	9.516.741.021
Tài sản ngắn hạn khác	48.437.594	2.601.780.093
Phải thu dài hạn	10.314.205.364	2.341.143.141
Tài sản dài hạn khác	-	7.973.062.223
Quỹ đầu tư phát triển	10.973.114.162	-
Quỹ dự phòng tài chính	-	10.973.114.162

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2014 VND (phân loại lại)	2014 VND (theo báo cáo trước đây)
Thu nhập khác	1.220.900.145	18.837.874.685
Chi phí khác	3.416.226.818	21.033.201.358

Ngày 29 tháng 2 năm 2016

Người lập:



Đồng Thị Ngọc Triều
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đỗ Văn Hoàng
Tổng Giám đốc

